

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HS-ST

Ngày 09/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thức và bà Phạm Thị Quyên

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09/6/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 19/2022/TLST-HS ngày 27/4/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HS ngày 23/5/2022, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình Th**; sinh ngày 25/03/1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình H (đã chết) và bà Dương Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Có 02 tiền án: Tại bản án số 118/2013/HSST ngày 25/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Nguyễn Đình Th 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 05 tháng 16 ngày tính từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”; tại bản án số 93/2015/HSPT ngày 01/4/2015 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Nguyễn Đình Th 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc Nguyễn Đình Th phải chấp hành hình phạt 09 tháng tù của bản án số 118/2013/HSST ngày 25/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện huyện Ea Kar. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 09 tháng tù; đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2019; tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Quốc A**; sinh ngày: 27/11/1996, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn A, xã Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trần Quốc Ch và bà Bùi Thị Th; chưa có vợ, con; tiền án: Chưa. Về nhân thân: Tại bản án số 372/2016/HS-PT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quốc A 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2018; tại bản án số 89/2016/HSST ngày 04/10/2016 của Toà án nhân dân Huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quốc A 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại bản án số 372/2016/HS-PT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hình phạt chung buộc bị cáo Trần Quốc A phải chấp hành là 06 năm tù (bị cáo Trần Quốc A chưa chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại bản án số 89/2016/HSST ngày 04/10/2016 của Toà án nhân dân Huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, đã hết thời hiệu thi hành); Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/02/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1994, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã E, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Đình Th rủ Trần Quốc A đi tìm kiếm xe mô tô của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì A đồng ý. Vào khoảng 13 giờ ngày 05/12/2021, Th chuẩn bị 01 vạm phá khóa hình chữ T, đồng thời thay biển số xe mô tô Suzuki 47B2-316.xx của mình bằng biển số 47B1-203.xx, sau đó điều khiển xe qua nhà A, rồi giao xe mô tô cho A điều khiển chở Th đi từ xã Ph, huyện K đến địa bàn thị xã B để thực hiện hành vi trộm cắp. Khi đi đến khu vực rẫy cà phê của anh Nguyễn Văn Ph ở thôn Đ, xã E, thị xã B, A phát hiện chiếc xe mô tô Exciter biển số 47C-295.xx của anh Ph đang dựng trong rẫy, cách đường khoảng 15 mét không có ai trông coi, nên A dừng xe lại đứng cạnh giới để Th đi vào trộm cắp. Th đi vào dùng vạm phá khóa xe, rồi nổ máy điều khiển xe tẩu thoát, A điều khiển xe chạy theo sau để đi về rẫy cà phê của gia đình Th ở thôn X, xã Ph, huyện K cất giấu, sau khi cất giấu xe xong cả hai quay về nhà. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Th quay lại chỗ cất giấu xe, rồi cạy cốp xe thì phát hiện có 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có 750.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 01 bằng lái xe A1, 01 thẻ ATM, 01 bảo hiểm y tế và 01 giấy đăng ký xe đều mang tên Nguyễn Văn Ph. Th lấy 750.000 đồng, còn các giấy tờ Th bỏ lại trong cốp xe rồi đi về, Th đưa cho A 500.000 đồng và giữ lại 250.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Do sợ hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện, nên Th đã lấy chiếc ví da của anh Ph cùng các giấy tờ kèm theo mang đi vứt ở rẫy cà phê ven đường không nhớ địa điểm cụ thể. Ngày 08/12/2021 Công an xã E, thị xã B triệu tập Th và A lên làm việc, tại cơ quan Công an Th và A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 51/KL-HĐĐGTS ngày 17/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B kết luận: 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx, màu sơn: trắng xanh, số khung: RLCE55P10EY416321, số máy: 55P1416338, thời điểm định giá ngày 05/12/2021 trị giá 10.800.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 104/KLGD-PC09 ngày 24/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 47001707, tên chủ xe Huỳnh Hoàng Q, biển số đăng ký 47B2-316.xx là giả.

Tại bản kết luận giám định số 105/KLGD-PC09 ngày 20/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Satria có số khung: MH8DL11ANLJ105498, số máy: CGA1-605470; biển số 47B2-316.xx là giả.

Tại bản kết luận giám định số 249/KLGD-KTHS ngày 10/03/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Biển số 47B1-203.xx là giả.

Vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Exciter, biển số 47C1-295.xx, màu sơn: Trắng xanh, số khung: RLCE55P10EY416321, số máy: 55P1416338; 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria, số máy: CGA1605470, số khung: MH8DL11ANLJ105498; 02 biển số 47B1-203.xx và 47B2-316.xx; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47001707, mang tên Huỳnh Hoàng Q; 01 thanh kim loại hình chữ T có 01 đầu là ổ gắn lục giác kích thước 08mm; 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu, màu sơn: Trắng, vành mũ màu đen, trên mũ ghi nhãn hiệu: NONVIET và 01 áo khoác gió màu đen xám sọc ô vuông có mũ.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSBH ngày 26/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Th về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Quốc A, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội và tranh luận xác định: Do ý thức coi thường pháp luật của Nhà Nước và động cơ tư lợi cá nhân, nên khoảng 13 giờ ngày 05/12/2021 tại thôn Đ, xã E, thị xã B, Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A trộm cắp của anh Nguyễn Văn Ph 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx, số tiền 750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 11.550.000 đồng, do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Th từ: 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quốc A từ: 12 tháng đến 18 tháng tù

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 590, Điều 592 Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi

nhận việc bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Văn Ph số tiền 3.750.000 đồng (Trong đó Th bồi thường 1.875.000 đồng, A bồi thường 1.875.000 đồng). Anh Ph không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã giao trả 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx, màu sơn: trắng xanh, số khung: RLCE55P10EY416321, số máy: 55P1416338 cho anh Nguyễn Văn Ph; 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu, màu xanh lá cây trên mũ có chữ Viettel Post cho Trần Quốc A; đề nghị tịch thu tiêu huỷ 01 thanh kim loại hình chữ T có 01 đầu là ổ gắn lục giác kích thước 08mm; 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu, màu sơn: Trắng, vành mũ màu đen, trên mũ ghi nhãn hiệu: NONVIET và 01 áo khoác gió màu đen xám sọc ô vuông có mũ, đây là công cụ mà các bị can sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Căn cước công dân, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 02 thẻ ATM đều mang tên anh Nguyễn Văn Ph, bị cáo Th đã vứt bỏ tại rẫy cà phê không rõ địa điểm, bị thất lạc Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng. Các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ truy tố. Các bị cáo thừa nhận vào khoảng khoảng 13 giờ

ngày 05/12/2021 tại thôn Đ, xã E, thị xã B, Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx của anh Nguyễn Văn Ph, trị giá 10.800.000 đồng và số tiền 750.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã trộm cắp là 11.550.000 đồng, do đó Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện viện kiểm sát. Lời khai của các bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Các bị cáo là người có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống. Các bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều bị xử lý bằng pháp luật, nhưng vì tư lợi cá nhân các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 11.550.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do mình gây ra. Bị cáo Nguyễn Đình Th là người có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2019 nhưng chưa được xóa án tích theo quy định, nên hành vi của bị cáo là tái phạm nguy hiểm do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo Trần Quốc A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a).....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm; ”

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, xâm hại đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm do đó cần phân tích đánh giá về vai trò và nhân thân của các bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò và nhân thân của các bị cáo.

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Đình Th: Bị cáo là người rù rề, chuẩn bị công cụ phạm tội và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo là người có hai tiền án về tội trộm cắp tài sản sau khi chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/01/2019 được tái hoà nhập cộng đồng, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên hành vi phạm tội của bị cáo là tái phạm nguy hiểm nên vai trò, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo cao hơn bị cáo Trần Quốc A.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Quốc A: Sau khi bị cáo Nguyễn Đình Th rủ đi trộm cắp tài sản, bị cáo đồng ý và điều khiển xe mô tô chở bị cáo Th đi trộm cắp và cảnh giới cho bị cáo Th thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt 02 lần về tội cố ý gây thương tích. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại bản án số 372/2016/HS-PT ngày 27/9/2016 vào ngày 18/8/2018 và tái hoà nhập cộng đồng và đã được xoá án tích nên vị trí, vai trò và tính chất hành vi của bị cáo ít nguy hiểm hơn so với bị cáo Nguyễn Đình Th.

Đối với hình phạt tù tại bản án số 89/2016/HSST ngày 04/10/2016 của Toà án nhân dân Huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Trần Quốc A 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù tại bản án số 372/2016/HS-PT ngày 27/9/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, hình phạt chung buộc bị cáo Trần Quốc A phải chấp hành là 06 năm tù, bị cáo Trần Quốc A chưa chấp hành hình phạt 03 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” tại bản án số 89/2016/HSST ngày 04/10/2016 của Toà án nhân dân Huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, nhưng đến nay đã hết thời hiệu thi hành nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt với hình phạt trong vụ án này.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 3.750.000 đồng, các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho người bị hại. Do vậy các bị cáo được các hướng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất vụ án, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử xét thấy áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để các bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân ích cho gia đình và xã hội, đồng thời góp phần giáo dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội và hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Đình Th cao hơn bị cáo Trần Quốc A là phù hợp.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo; về bồi thường thiệt hại; về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra bị cáo Th và A đã tự nguyện bồi thường cho anh Ph số tiền 3.750.000 đồng (Trong đó Th bồi thường 1.875.000 đồng, A bồi thường 1.875.000 đồng). Anh Ph không yêu cầu bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy việc bồi thường là tự nguyện phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 590, Điều 592 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx, màu sơn: trắng xanh, số khung: RLCE55P10EY416321, số máy: 55P1416338 là tài sản thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Văn Ph do các bị cáo chiếm đoạt. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả cho anh Ph theo Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 03 ngày 07/01/2022. Xét thấy việc xử lý vật chứng là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu, màu xanh lá cây trên mũ có chữ Viettel Post là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo cho Trần Quốc A không liên quan đến tội phạm. Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả cho bị cáo Trần Quốc A theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 09/02/2022. Xét thấy việc xử lý vật chứng là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 thanh kim loại hình chữ T, 01 đầu là ổ gắn lục giác kích thước 08mm; 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu, màu sơn: Trắng, vành mũ màu đen, trên mũ ghi nhãn hiệu: NONVIET và 01 áo khoác gió màu đen xám sọc ô vuông có mũ, đây là công cụ mà các bị can sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 Giấy phép lái xe mô tô, 01 Căn cước công dân, 01 bảo hiểm xe mô tô, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 02 thẻ ATM đều mang tên anh Nguyễn Văn Ph, bị cáo Th đã vứt bỏ tại rẫy cà phê không rõ địa điểm, bị thất lạc Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết là phù hợp.

[11] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, số loại Satria, số máy: CGA1605470, số khung: MH8DL11ANLJ105498, biển số 47B2-316.xx; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 47001707, mang tên Huỳnh Hoàng Q liên quan đến tài sản của anh Phạm Ngọc H bị trộm cắp ngày 18/8/2021 tại xã Ph, huyện E, cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B đã bàn giao cho cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện E để xác minh xử lý theo thẩm quyền theo công văn số 63/CV-CSĐT-ĐTTH ngày 10/3/2022 nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

[12] Đối với hành vi sử dụng biển số giả 47B1-203.xx để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Th Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng chưa làm rõ được nên đã có quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến vụ án hình sự số 02/QĐ-ĐTTH ngày 05/4/2022 để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý trong vụ án này.

[13] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các Bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đình Th**: **02** năm **03** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc A**: **01** năm **03** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về bồi thường thiệt hại: *Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 590, Điều 592 Bộ luật dân sự.*

Ghi nhận việc các bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Văn Ph số tiền 3.750.000 đồng [trong đó của bị cáo Th bồi thường 1.875.000 đồng, bị cáo A bồi thường 1.875.000 đồng].

-Về xử lý vật chứng: *Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.*

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại xe Exciter, BKS: 47C1-295.xx, màu sơn: trắng xanh, số khung: RLCE55P10EY416321, số máy: 55P1416338 cho anh Nguyễn Văn Ph theo Quyết định xử lý đồ vật tài liệu số 03 ngày 07/01/2022

Chấp nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả 01 mũ bảo hiểm loại mũ nửa đầu, màu xanh lá cây trên mũ có chữ Viettel Post cho Trần Quốc A theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 09/02/2022

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại hình chữ T, 01 đầu là ổ gắn lục giác kích thước 08mm; 01 mũ bảo hiểm, loại nửa đầu, màu sơn: Trắng, vành mũ màu đen, trên mũ ghi nhãn hiệu: NONVIET và 01 áo khoác gió màu đen xám sọc ô vuông, có mũ.

(Đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2022 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã B với Chi cục thi hành án dân sự thị xã B và vật chứng do Chi cục thi hành án dân sự thị xã B quản lý)

Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Các bị cáo Nguyễn Đình Th và Trần Quốc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; đương sự;
- THA phạt tù;
- Lưu HS, VP TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh